

THÔNG BÁO
Kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg, ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (TCPL);

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP, ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Ngày 15/01/2021, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện họp, thẩm định, xét cấp xã đạt chuẩn tiếp cận năm 2020.

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THẨM ĐỊNH ĐIỂM

1. Thị trấn Buôn Tráp: Tổng điểm 100; đơn vị tự chấm 98,5; thẩm định 90,18 (do tổng hợp sai ở tiêu chí 3 và tiêu chí 4, nên còn 96 điểm, thẩm định 90,18 điểm). Điểm trừ là 5,82, cụ thể:

1.1. Tiêu chí 1: Tổng điểm 15; đơn vị tự chấm 14,5 điểm; thẩm định 14 điểm (điểm trừ 0,5 điểm)

Trong đó: Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 6; đơn vị tự chấm 5,5 điểm; thẩm định 5 điểm, nội dung 3 trừ 0,5 điểm (kiểm chế, giảm tội phạm...)

1.2. Tiêu chí 2: Tổng điểm 30; đơn vị tự chấm 30 điểm; thẩm định 28,5 điểm (trừ 1,5 điểm).

Chỉ tiêu 1, nội dung 2 trừ 0,5 điểm (TTHC niêm yết chưa kịp thời).

Chỉ tiêu 5, nội dung 2 trừ 1 điểm (Hài lòng về cách ứng xử...)

1.3. Tiêu chí 3: Tổng điểm 25; đơn vị tự chấm 24 điểm; thẩm định 21,5 điểm (do đơn vị tổng hợp sai, thực tế tổng tiêu chí này là 23 điểm). Như vậy tổng điểm trừ là 1,5 điểm

Chỉ tiêu 6: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 2; thẩm định 1,5 điểm (trừ 0,5 điểm) (không chấm điểm ở nội dung 2, mục a, chấm điểm mục b nội dung 2: 1 điểm)

Chỉ tiêu 7: Tổng điểm 6; đơn vị tự chấm 5,5 điểm; thẩm định 4,5 điểm (điểm trừ 1 điểm)

Nội dung 1: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 1,5 điểm; thẩm định 1 điểm trừ 0,5 điểm (điểm chấm cho mục b: Thực hiện hàng tháng...)

Nội dung 2: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm trừ 0,5 điểm (điểm trừ ở mục 2.5 về xây dựng ... TSPL).

1.4. Tiêu chí 4: Tổng điểm 10; đơn vị tự chấm 10 điểm; thẩm định 7,18 điểm.

Do việc tổng hợp điểm của đơn vị ở chỉ tiêu thành phần không đúng, điểm đúng của đơn vị chấm là 8,5 điểm, thẩm định 7,18 (trừ 1,32 điểm)

Chỉ tiêu 1: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm, trừ 0,5 điểm ở nội dung 4 (do chưa tập huấn công tác hòa giải)

Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 3,5 điểm; thẩm định 3,68 điểm (do tính % số vụ việc hòa giải thành chưa chính xác). Tăng 0,18 điểm

Chỉ tiêu 3: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 2 điểm; thẩm định 1 điểm (trừ 1 điểm do không có kinh phí cho hòa giải).

1.5. Tiêu chí 5: Tổng điểm 20; đơn vị tự chấm 20 điểm; thẩm định 19 điểm (trừ 1 điểm)

Chỉ tiêu 5: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm (trừ 1 điểm do hoạt động của Ban TTND và giám sát của MTTQ còn hạn chế).

2. Xã Quảng Điền: Tổng điểm 100; đơn vị tự chấm 96,1; thẩm định 94,35 (Điểm trừ là 1,75 điểm), cụ thể:

2.1. Tiêu chí 2: Tổng điểm 30; đơn vị tự chấm 29,75 điểm; thẩm định 29,5 điểm (trừ 0,25 điểm).

Chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,5 điểm (trừ 0,5 ở nội dung 2, do TTHC niêm yết công khai chưa kịp thời).

Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 1,75 điểm; thẩm định 2 điểm (tăng 0,25 điểm, do bố trí địa điểm công chức tiếp nhận giải quyết các TTHC đúng quy định)

2.2. Tiêu chí 3: Tổng điểm 25; đơn vị tự chấm 25 điểm; thẩm định 24,5 điểm (trừ 0,5 điểm).

Trong đó chỉ tiêu 6: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 2 điểm; thẩm định 1,5 điểm giảm 0,5 điểm (Do triển khai các hoạt động PBGDPL cho đối tượng đặc thù... chưa cụ thể)

2.3. Tiêu chí 4: Tổng điểm 10; đơn vị tự chấm 9,6 điểm; thẩm định 9,1 điểm (trừ 0,5 điểm)

Trong đó chỉ tiêu 1: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 4 (Do chưa tập huấn công tác hòa giải)..

2.4. Tiêu chí 5: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,5 điểm (điểm trừ 0,5 điểm).

Chỉ tiêu 5 trừ 0,5 điểm (do hoạt động của Ban TTND còn hạn chế)

3. Xã Bình Hòa: Tổng điểm 100; đơn vị tự chấm 98 điểm; thẩm định 90,75 điểm (điểm trừ 7,25 điểm)

3.1. Tiêu chí 1: Tổng điểm 15; đơn vị tự chấm 15 điểm; thẩm định 10,75 điểm (trừ 4,25 điểm)

Trong đó: Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 6; đơn vị tự chấm 6 điểm; thẩm định 2,75 điểm (điểm trừ 3,25). Lý do nội dung 3 không được điểm mà còn bị trừ 0,25 điểm (do không kiểm chế, mà tăng tội phạm và tệ nạn xã hội...)

Chỉ tiêu 3: Tổng điểm 5; đơn vị tự chấm 5 điểm; thẩm định 4 (trừ 1 điểm) nội dung 1 trừ 0,5 điểm, nội dung 2 trừ 0,5 điểm.

3.2.. Tiêu chí 2: Tổng điểm 30; đơn vị tự chấm 29 điểm; thẩm định 28,5 điểm (điểm trừ 0,5 điểm)

Chỉ tiêu 1, nội dung 2 trừ 0,5 điểm (TTHC niêm yết chưa kịp thời).

3.3. Tiêu chí 3: Tổng điểm 25; đơn vị tự chấm 24 điểm; thẩm định 23,5 điểm (điểm trừ 0,5 điểm)

Chỉ tiêu 6: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 2; thẩm định 1,5 điểm (trừ 0,5 điểm) (nội dung 2; không chấm điểm ở mục a mà chấm điểm ở mục b)

3.4. Tiêu chí 4: Tổng điểm 10; đơn vị tự chấm 10 điểm; thẩm định 9,5 điểm (điểm trừ 0,5 điểm)

Chỉ tiêu 1: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm, trừ 0,5 điểm ở nội dung 4 (do chưa tập huấn công tác hòa giải)

3.5. Tiêu chí 5: Tổng điểm 20; đơn vị tự chấm 20 điểm; thẩm định 18,5 điểm (trừ 1,5 điểm).

Chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm (trừ 1 điểm do hoạt động giám sát của Ban TTND...chưa đảm bảo)

Chỉ tiêu 5: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,5 điểm (trừ 0,5 điểm do công khai, minh bạch các nội dung...chưa đảm bảo)

4. Xã Bằng Adrênh: Tổng điểm 100; đơn vị tự chấm 97,5; thẩm định 91,25
Điểm trừ tổng điểm là 6,25, cụ thể:

4.1. Tiêu chí 1: Tổng điểm 15; đơn vị tự chấm 14 điểm; thẩm định 12 điểm (điểm trừ 2 điểm).

Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 6; đơn vị tự chấm 5 điểm; thẩm định 4 điểm (trừ 1 điểm nội dung 2 do an ninh phức tạp).

Chỉ tiêu 3: Tổng điểm 5; đơn vị tự chấm 5 điểm; thẩm định 4 điểm (trừ 1 điểm do có 01 vụ khiếu nại).

4.2. Tiêu chí 2: Tổng điểm 30; đơn vị tự chấm 30 điểm; thẩm định 29,5 điểm (điểm trừ 0,5 điểm).

Trong đó chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,5 điểm trừ 0,5 điểm nội dung 2. Đơn vị chấm 1 điểm ở mục a, nhưng thẩm định không cho điểm ở mục này mà cho điểm ở mục b là 0,5 điểm)

4.3. Tiêu chí 3: Tổng điểm 25; đơn vị tự chấm 24,5 điểm; thẩm định 21,75 điểm (điểm trừ 2,75 điểm).

Trong đó chỉ tiêu 6: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 2 điểm; thẩm định 1,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 2 (Đơn vị chấm 1,5 điểm ở mục a, thẩm định không cho điểm ở mục này mà cho 1 điểm ở mục b).

Chỉ tiêu 9: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 0,75 điểm (trừ 2,25 điểm. Qua thẩm định đơn vị không bố trí kinh phí cho hoạt động PBGDPL, do đó không cho điểm ở nội dung 2, đồng thời trừ 0,25 điểm ở nội dung 3).

4.4. Tiêu chí 4: Tổng điểm 10; đơn vị tự chấm 10 điểm; thẩm định 9 điểm (điểm trừ 1 điểm).

Trong đó: Chỉ tiêu 1: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm trừ 0,5 điểm (nội dung 4 trừ 0,5 điểm do trong năm chưa tập huấn HGCS)

chỉ tiêu 2: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 2 (có 03/04 vụ việc hòa giải thành).

5. Xã Dray Sáp: Tổng điểm 100; đơn vị tự chấm 96; thẩm định 94 (điểm trừ là 2 điểm), cụ thể:

5.1. Tiêu chí 1: Tổng điểm 15; đơn vị tự chấm 15 điểm; thẩm định 14 điểm, (trừ 1 điểm).

Chỉ tiêu 3: Tổng điểm 5; đơn vị tự chấm 5 điểm; thẩm định 4 điểm (trừ 1 điểm do có 01 vụ tố cáo).

5.2. Tiêu chí 2: Tổng điểm 30; đơn vị tự chấm 27,5 điểm; thẩm định 28 điểm (tăng 0,5 điểm)

Trong đó chỉ tiêu 3 thẩm định tăng 1 điểm (TTHC giải quyết đúng thời hạn...), chỉ tiêu 5 giảm 0,5 điểm (Chưa đảm bảo sự hài lòng của người dân), như vậy tổng điểm tăng 0,5 điểm.

5.3. Tiêu chí 4: Tổng điểm 10; đơn vị tự chấm 10 điểm; thẩm định 8,5 điểm (trừ 1,5 điểm)

Trong đó chỉ tiêu 1: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 4 (Do chưa tập huấn công tác hòa giải).

Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm (trừ 1 điểm do có 01/01 vụ việc hòa giải không thành)

6. Xã Ea Na: Tổng điểm 100; đơn vị tự chấm 93 điểm; thẩm định 86.71 điểm (tổng điểm trừ là 6,29 điểm)

6.1. Tiêu chí 1: Tổng điểm 15; đơn vị tự chấm 12 điểm; thẩm định 10 điểm (trừ 2 điểm)

Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 6; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm (trừ 0,5 điểm ở nội dung 3 do có tệ nạn xã hội và ma túy).

Chỉ tiêu 3: Tổng điểm 5; đơn vị tự chấm 5 điểm; thẩm định 3,5 điểm (trừ 1,5 điểm); Trong đó ở nội dung 1 trừ 1 điểm (do khiếu nại, tố cáo tiếp nhận giải quyết không đúng thủ tục thời hạn...). Nội dung 2 trừ 0,5 điểm (do khiếu nại, tố cáo kéo dài).

6.2. Tiêu chí 2: Tổng điểm 30; đơn vị tự chấm 30 điểm; thẩm định 29,5 điểm (trừ 0,5 điểm)

Chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 2 (TTHC niêm yết công khai... chưa kịp thời)

6.3. Tiêu chí 3: Tổng điểm 25; đơn vị tự chấm 21 điểm; thẩm định 20,25 điểm (trừ 0,75 điểm)

Trong đó chỉ tiêu 6: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 2 điểm; thẩm định 1,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 2 (Tổ chức thực hiện PBGDPL... chưa kịp thời)

Chỉ tiêu 9: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 1 điểm; thẩm định 0,75 điểm trừ 0,25 điểm ở nội dung 3 (Do không bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL)

6.4. Tiêu chí 4: Tổng điểm 10; đơn vị tự chấm 10 điểm; thẩm định 8,96 điểm (điểm trừ 1,04 điểm).

Trong đó chỉ tiêu 1: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 4 (Do chưa tập huấn công tác hòa giải).

Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,46 điểm (trừ 0,54 điểm ở nội dung 2 do có 8/11 vụ việc hòa giải thành)

6.5. Tiêu chí 5: Tổng điểm 20; đơn vị tự chấm 20 điểm; thẩm định 18 điểm (điểm trừ 2 điểm)

Trong đó chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm trừ 1 điểm (Do công khai, minh bạch của PL về DCCS chưa đảm bảo).

Chỉ tiêu 5: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm (trừ 1 điểm do hoạt động giám sát của Ban TTND, Ban giám sát cộng đồng còn hạn chế)

7. Xã Dur Kmăl: Tổng điểm 100; đơn vị tự chấm 93,25 điểm; thẩm định 88,59 điểm (điểm trừ 4,66 điểm)

7.1. Tiêu chí 1: Tổng điểm 15; đơn vị tự chấm 11,75 điểm; thẩm định 12,5 điểm (tăng 0,75 điểm); Trong đó:

Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 6; đơn vị tự chấm 2,75 điểm; thẩm định 5 điểm (tăng 2,25 điểm ở nội dung 3 do không tăng tội phạm, tệ nạn xã hội và ma túy).

Chỉ tiêu 3: Tổng điểm 5; đơn vị tự chấm 5 điểm; thẩm định 3,5 điểm (trừ 1,5 điểm); Trong đó ở nội dung 1 trừ 1 điểm (do khiếu nại, tố cáo tiếp nhận giải quyết không đúng thủ tục thời hạn...) Nội dung 2 trừ 0,5 điểm (do khiếu nại, tố cáo kéo dài).

7.2. Tiêu chí 2: Tổng điểm 30; đơn vị tự chấm 29,5 điểm; thẩm định 28,5 điểm (điểm trừ 1 điểm)

Chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm trừ 1 điểm ở nội dung 1 trừ 0,5 điểm (TTHC niêm yết công khai... chưa đầy đủ), nội dung 2 trừ 0,5 điểm (TTHC niêm yết công khai... chưa kịp thời)

7.3. Tiêu chí 3: Tổng điểm 25; đơn vị tự chấm 23 điểm; thẩm định 20,25 điểm, tổng điểm bị trừ 2,75 điểm; Trong đó:

Chỉ tiêu 6: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 2 điểm; thẩm định 1,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 2 (Tổ chức thực hiện PBGDPL... chưa kịp thời)

Chỉ tiêu 9: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 0,75 điểm trừ 2,25 điểm ở nội dung 3 (Do không bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL)

7.4. Tiêu chí 4: Tổng điểm 10; đơn vị tự chấm 9 điểm; thẩm định 8,84 điểm (điểm trừ 0,16 điểm)

Trong đó chỉ tiêu 1: Tổng điểm 3; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 2,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 4 (Do chưa tập huấn công tác hòa giải).

Chỉ tiêu 2: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 3 điểm; thẩm định 3,34 điểm (tăng 0,34 điểm ở nội dung 2 do có 6/9 vụ việc hòa giải thành)

7.5. Tiêu chí 5: Tổng điểm 20; đơn vị tự chấm 20 điểm; thẩm định 18,5 điểm (trừ 1,5 điểm)

Trong đó chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,5 điểm trừ 0,5 điểm (Do bình xét hộ nghèo chưa đảm bảo).

Chỉ tiêu 5: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm (trừ 1 điểm do hoạt động giám sát của Ban TTND, Ban giám sát cộng đồng còn hạn chế) (Tổng điểm trừ là 7,25, điểm cộng 2,59 như vậy còn là 4,66 điểm)

8. Xã Ea Bông: Tổng điểm 100; đơn vị tự chấm 94 điểm; thẩm định 88,15 điểm (làm tròn 88 điểm), điểm trừ 5,85 điểm làm tròn 6 điểm, cụ thể:

8.1. Tiêu chí 1: Tổng điểm 15; đơn vị tự chấm 9,75 điểm; thẩm định 8,25 điểm (điểm trừ 1,5 điểm)

Chỉ tiêu 3: Tổng điểm 5; đơn vị tự chấm 5 điểm; thẩm định 3,5 điểm (trừ 1,5 điểm); Trong đó ở nội dung 1 trừ 1 điểm (do khiếu nại, tố cáo tiếp nhận giải quyết không đúng thủ tục thời hạn...) Nội dung 2 trừ 0,5 điểm (do khiếu nại, tố cáo kéo dài).

8.2. Tiêu chí 2: Tổng điểm 30; đơn vị tự chấm 30 điểm; thẩm định 28 điểm (trừ 2 điểm)

Chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 2 (TTHC niêm yết công khai... chưa kịp thời).

Chỉ tiêu 5: Tổng điểm 12; đơn vị tự chấm 12 điểm; thẩm định 10,5 điểm trừ 1,5 điểm ở nội dung 2 (kết quả điều tra xã hội học có 30% người được khảo sát không hài lòng)

8.3. Tiêu chí 3: Tổng điểm 25; đơn vị tự chấm 25 điểm; thẩm định 24,5 điểm (trừ 0,5 điểm)

Trong đó chỉ tiêu 6: Tổng điểm 2; đơn vị tự chấm 2 điểm; thẩm định 1,5 điểm trừ 0,5 điểm ở nội dung 2 (chưa tổ chức thực hiện PBGDPL cho đối tượng đặc thù).

8.4. Tiêu chí 5: Tổng điểm 20; đơn vị tự chấm 20 điểm; thẩm định 18 điểm, trừ 2 điểm.

Trong đó chỉ tiêu 1: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm trừ 1 điểm (Do công khai minh bạch của PL về DCCS chưa đảm bảo).

Chỉ tiêu 5: Tổng điểm 4; đơn vị tự chấm 4 điểm; thẩm định 3 điểm (trừ 1 điểm do hoạt động giám sát của Ban TTND, Ban giám sát cộng đồng còn hạn chế).

II. KẾT QUẢ XÉT CẤP XÃ ĐẠT VÀ CHƯA ĐẠT CHUẨN TCPL NĂM 2020

Từ kết quả đánh giá thẩm định nêu trên, xác định các đơn vị đạt chuẩn TCPL năm 2020 bao gồm: Thị trấn Buôn Tráp, xã Quảng Điền, xã Bình Hòa, xã Bông Adrên và xã Dray Sáp; các đơn vị chưa đạt chuẩn TCPL năm 2020 bao gồm: Xã Ea Na, xã Dur Kmăl và xã Ea Bông.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tư pháp huyện chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung tại Thông báo này về UBND huyện biết để chỉ đạo.

2. UBND các xã, thị trấn niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn, buôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh cơ sở.

3. Văn phòng HĐND&UBND huyện công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của huyện chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Ủy ban Nhân dân huyện thông báo để các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT HU, TTHĐND huyện;
- CT, các PCTUBND huyện;
- TV HĐND huyện;
- VPĐPNTM huyện;
- VPHĐND&UBND huyện;
- Phòng TP, NN và PTNT;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu VTUB.

để B/c

CHỦ TỊCH

Võ Đại Huế